

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2024/HC-PT

Ngày 29 - 02 - 2024

*V/v khởi kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Duy Nhiệm;

Các Thẩm phán:

Bà Vũ Thị Thu Hà;

Bà Hoàng Thị Bích Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hải An, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thanh Phương, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 822/2023/TLPT-HC ngày 27 tháng 11 năm 2023 về việc “*Khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”, do Bản án hành chính sơ thẩm số 32/2023/HC-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc có kháng cáo của người khởi kiện là ông Hoàng Văn H.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1254/2024/QĐ-PT ngày 02/02/2024 giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Ông Hoàng Văn H, sinh năm 1988, có mặt;

Trú tại: Tổ dân phố T, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc;

Người đại diện theo ủy quyền của ông H: Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1980, có mặt;

Trú tại: Số D đường N, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (theo văn bản ủy quyền ngày 06/3/2023).

*** Người bị kiện:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là UBND) thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND thành phố V: Ông Đào Văn Q; chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

Bà Lê Học H2; chức vụ: Trưởng Phòng Tư pháp thành phố Vĩnh Yên; bà Tạ Thị Hương T, chức vụ: Phó Trưởng Phòng Tư pháp thành phố V và bà Đoàn Thị T1 - Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố V, có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân tỉnh V;

Người đại diện theo ủy quyền của UBND tỉnh V: Ông Hoàng Xuân H3, Phó Giám đốc Sở TNMT tỉnh V, vắng mặt.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V.

Người đại diện theo ủy quyền của Sở TNMT: Ông Hoàng Văn Đ - Phó Giám đốc Sở TNMT, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Sở TNMT: Ông Nguyễn Thành H4 - Phó Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh V, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Ủy ban nhân dân phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh B - Chủ tịch UBND phường, vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Công ty TNHH K; Địa chỉ: Số E đường N, phường N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

5. Bà Nguyễn Hồng Đ1, sinh năm 1992;

Trú tại: Tổ dân phố T, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

Người kháng cáo: Ông Hoàng Văn H, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án, bản án sơ thẩm và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Gia đình ông Hoàng Văn H là chủ sử dụng hợp pháp thửa đất khoảng hơn 3.700m² tại địa chỉ: Tổ dân phố T, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Nguồn gốc diện tích đất do ông nội ông H là ông Hoàng Văn G khai hoang, sử dụng từ những năm 1978; sau đó ông G giao lại cho bố ông H là ông Hoàng Văn H5 sử dụng, đến năm 2010 ông H5 cho ông H toàn bộ diện tích đất nêu trên. Sau khi được ông H5 cho đất, ông H đã tiến hành sửa sang lại nhà cửa, các công trình phục vụ đời sống và sinh sống ổn định đến thời điểm hiện tại. Quá trình sinh sống từ năm 2010, gia đình ông H không bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về đất đai, hoặc có sự tranh chấp với các hộ dân xung quanh (diện tích đất đã được xây dựng tường bao quanh). Khoảng ngày 25/10/2022, có một nhóm người đến nhà ông H tự giới thiệu là cán bộ UBND phường Khai Quang và yêu cầu ông ký vào biên bản xử phạt vi phạm hành chính, nhưng ông H không ký. Ngày 27/10/2022, ông H nhận được Quyết định về xử phạt vi phạm hành chính

số 3343/QĐ-XPHC (sau đây gọi tắt là Quyết định 3343) của Chủ tịch UBND thành phố V với nội dung xử phạt vi phạm hành chính đối với ông H.

Ngày 23/11/2022, ông H tiếp tục nhận được Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện khắc phục hậu quả số 3639/QĐ-CCXP (sau đây gọi tắt là Quyết định 3639) của Chủ tịch UBND thành phố V đối với ông H. Sau khi nhận được các quyết định nêu trên, đối chiếu với các việc sử dụng đất thực tế của gia đình và quy định của pháp luật, xâm phạm đến quyền lợi của ông H, nên ông H đã gửi đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu Tòa án tuyên hủy Quyết định 3343 và Quyết định 3639; tuyên hủy Quyết định số 770/QĐ-ĐC (sau đây gọi tắt là Quyết định 770) ngày 03/4/2023 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc đình chỉ Quyết định 3343 và Quyết định 3639.

Người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V trình bày:

Ngày 31/01/1997, UBND tỉnh V ban hành Quyết định số 169/QĐ-UB v/v thu hồi 116,072 ha đất thuộc phường L và xã K, thị xã V để giao cho Công ty TNHH K trồng mía theo dự án được UBND tỉnh phê duyệt (trong đó có 90,06 ha đất thuộc xã K nay là phường K) có bản đồ quy hoạch giao đất trồng mía Công ty TNHH K.

Ngày 04/3/1997, Sở Đ, Phòng Địa chính V, Phòng T, Tổ Nông nghiệp thị xã V, UBND xã K đã tiến hành bàn giao mốc giới tại thực địa diện tích đất 90,06 ha tại Xã K cho công ty TNHH K.

Ngày 08/3/1997, UBND thị xã V, UBND xã K, Công ty TNHH K đã làm việc về nội dung đền bù cây bạch đàn chu kỳ II trên diện tích 90,06 ha đất thu hồi theo Quyết định 169/QĐUB ngày 31/01/1997 của UBND tỉnh V.

Ngày 13/3/1997 UBND thị xã V (nay là thành phố V) đã ban hành Quyết định số 27/QĐ-UB về việc phê duyệt giá đền bù cây bạch đàn chu kỳ II trên diện tích 90,06 ha thu hồi tại địa điểm xã K.

Ngày 29/8/2018, UBND tỉnh V ban hành Quyết định 1992/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của Công ty TNHH K do hết hạn sử dụng đất và không được gia hạn theo quy định của pháp luật đất đai, địa điểm tại các xã, phường :, Liên B1 và K, thành phố V.

Năm 2021, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V lập Mảnh trích đo địa chính số 47 - 2021 thu hồi đất Công ty TNHH K tại phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (Đo đạc theo Quyết định số 1992/QĐ-UBND ngày 29/8/2018 của UBND tỉnh V), xác định thửa đất ông Hoàng Văn H đang sử dụng là thửa đất số 77, diện tích 3.747,8m²; loại đất: Đất trồng cây lâu năm (CLN).

Về trình tự, thủ tục thiết lập hồ sơ xử lý vi phạm hành chính đối với ông Hoàng Văn H: Ngày 20/10/2022, UBND phường có Biên bản làm việc về việc xác minh nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất và thiết lập Biên bản vi phạm hành chính số 78/BB-VPHC ngày 20/10/2022; Ngày 24/10/2022, Chủ tịch UBND

phường K có Tờ trình số 266/TTr-UBND về việc đề nghị ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Đối chiếu với quy định tại Điều 38, Điều 57, Điều 68, Điều 70, Điều 78, Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020); Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ, quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về Buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực đất đai; Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực đất đai; tài nguyên nước và khoáng sản; khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ, Chủ tịch UBND thành phố V đã ban hành Quyết định số 3343 xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai đối với ông Hoàng Văn H. Ngày 28/10/2022, UBND phường K bàn giao Quyết định số 3343 cho ông Hoàng Văn H, nhưng ông H không tự nguyện chấp hành, ngày 17/11/2022, Chủ tịch UBND phường K có tờ trình số 325/TTr-UBND trình Chủ tịch UBND thành phố ban hành quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả; ngày 23/11/2022, Chủ tịch UBND thành phố V đã ban hành Quyết định 3639 đối với ông H.

Việc ban hành Quyết định số 3343 và Quyết định số 3639 đã được thực hiện đúng theo trình tự, đúng thẩm quyền và đúng mẫu quy định kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ, quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Tuy nhiên, do sơ suất trong quá trình soạn thảo đã ghi nhầm phần thẩm quyền ban hành quyết định, cụ thể: Tại phần ghi về “THẨM QUYỀN BAN HÀNH” của Quyết định số 3343 và Quyết định số 3639 theo quy định phải ghi là “CHỦ TỊCH UBND THÀNH PHỐ VINH YÊN” nhưng quyết định lại ghi là “PHÓ CHỦ TỊCH UBND THÀNH PHỐ VINH YÊN”. Sau khi phát hiện có sai sót trong quá trình tham mưu soạn thảo 02 quyết định nêu trên, căn cứ quy định tại Điều 14 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/11/2021 của chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính, Phòng T đã tham mưu Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 770 về việc Đình chính Quyết định số 3343 và Quyết định số 3639.

Đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án, Chủ tịch UBND thành phố V nhận thấy căn cứ quy định tại khoản 10, Điều 7 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 Chính phủ quy định thì ông Hoàng Văn H không phải thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm. Do vậy, Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 1438/QĐ-SĐBSHB ngày 21/6/2023 về việc hủy bỏ một phần Quyết định số 3343, trong đó: Hủy bỏ điểm c khoản 6 Điều 1 Quyết định số 3343. Cụ thể: Hủy bỏ biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực

hiện hành vi vi phạm là 19.770.475 đồng. Các nội dung khác tại Quyết định số 3343 được giữ nguyên.

Do đó, ông H khởi kiện là không có căn cứ, đề nghị Tòa án xử bác yêu cầu khởi kiện của ông H.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Đại diện Ủy ban nhân dân tỉnh V trình bày:

Về việc giao đất cho Công ty K: Năm 1997 UBND tỉnh V có các Quyết định số 228/QĐ-UB ngày 24/2/1997 về việc phê duyệt dự án khả thi đầu tư mở rộng vùng mía 2 năm 1997-1998 và Quyết định số 868/QĐ-UB ngày 24/7/1997 về việc phê duyệt dự án trồng cây ăn quả tập trung giai đoạn 1997-1999 của Công ty TNHH K. Công ty K được UBND tỉnh V (cũ) và UBND tỉnh V giao 140,547 ha đất thuộc phường, xã: Liên Bảo, Khai Q1 và Đ, thành phố V để thực hiện dự án trồng mía, sau đó chuyển sang trồng cây ăn quả tại 02 quyết định:

+ Quyết định số 2140/QĐ-UB ngày 07/11/1995 của UBND tỉnh V (cũ), giao 244.750m² (24,475 ha) đất đồi lâm nghiệp tại đồi Gậy, xã Đ, thị xã V, thời hạn 20 năm (1995-2015); Biên bản giao mốc giới đất tại thực địa ngày ngày 23/11/1995.

+ Quyết định số 169/QĐ-UB ngày 31/01/1997 của UBND tỉnh V, giao 116,072 ha đất rừng trồng thuộc phường L và đất lâm nghiệp tại xã K, thị xã V cho Công ty TNHH K trồng mía và sản xuất nông, lâm kết hợp, thời hạn 18 năm (1997-2015), trong đó tại phường L là 26,012 ha, xã K là 90,06 ha. Biên bản bàn giao mốc giới tại thực địa phường K ngày 04/3/1997.

Như vậy, việc giao đất cho Công ty TNHH K phù hợp với quy định tại Điều 19, Điều 24 Luật Đất đai 1993.

Quá trình biến động đất đai và việc thu hồi đất của Công ty TNHH K: Do các yêu cầu về phát triển kinh tế, xã hội của địa phương, UBND tỉnh V đã có 07 quyết định thu hồi với diện tích 31,47 ha đất đã giao cho Công ty K để giao cho các tổ chức khác sử dụng. Trong đó tại phường K: Thu hồi và giao xây dựng bãi rác 9374 m² (0,9374 ha); thu hồi và giao đất cho Công ty C và xử lý môi trường đô thị: 5.850 m² (0,59 ha); thu hồi giao U quản lý (U giao hộ ông Trần Văn M) 10,5 ha; Diện tích còn lại theo hồ sơ thu hồi từ Công ty K 78,0376 ha.

Trong quá trình sử dụng đất của Công ty K, từ năm 2002 cho đến nay các cơ quan Nhà nước đã tiến hành nhiều cuộc thanh tra, kiểm tra việc sử dụng đất của Công ty K. Các vi phạm trong quản lý, sử dụng đất đai của Công ty K và hộ gia đình, cá nhân được Công ty giao quyền sử dụng đất diễn ra trong thời gian dài, các sai phạm đó của Công ty K đã được chỉ ra và kiến nghị xử lý qua mỗi lần các cơ quan nhà nước thực hiện thanh, kiểm tra.

Theo kết luận của Đoàn T2 (được thành lập theo Quyết định số 3233/QĐ-CT ngày 27/11/2012 và số 3714/QĐ-CT ngày 28/12/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh) đã xác định quá trình sử dụng đất được giao, Công ty K không thực hiện triển khai dự án theo đúng quyết định của UBND tỉnh về giao đất và phê duyệt dự án;

sử dụng đất kém hiệu quả, sai mục đích; cố ý hủy hoại đất; tự ý chuyển nhượng QSD đất, giao đất cho người khác sử dụng không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép vi phạm pháp luật về đất đai được quy định tại Điều 78^b Luật Đất đai sửa đổi năm 1998 và năm 2001; khoản 3, 4 Điều 38 và khoản 2, Điều 109 Luật Đất đai 2003.

Do vậy, Sở T đã có Văn bản số 1870/STNMT-CCQLĐĐ ngày 15/9/2016 kiến nghị UBND tỉnh đồng ý chủ trương thu hồi đất đối với khu đất Công ty K (được giao để thực hiện dự án trồng mía tại các Quyết định số 2140/QĐ-UB ngày 07/11/1995 và Quyết định 169/QĐ-UB ngày 31/01/1997) và được UBND tỉnh chấp thuận, chỉ đạo thực hiện tại Văn bản số 9384/UBND-NN2 ngày 26/12/2016. Trước khi ban hành quyết định thu hồi đất, UBND tỉnh đã ban hành Thông báo số 19/TB-UBND ngày 16/02/2017 thông báo thu hồi đất do hết hạn sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai, địa điểm tại các xã, phường :, Liên B1 và K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Kể từ thời điểm UBND tỉnh ban hành thông báo thu hồi đất, Công ty K không có kiến nghị bằng văn bản về chủ trương thu hồi đất của UBND tỉnh. Tiếp đó, ngày 08/12/2017, Sở TNMT đã có Tờ trình số 624/TTr-STNMT trình UBND tỉnh thu hồi diện tích đất còn lại của Công ty TNHH K do hết hạn sử dụng đất và không được gia hạn. Ngày 29/8/2018, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1992/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của Công ty K. Tại Điều 1 Quyết định số 1992/QĐ-UBND ngày 29/8/2018 của UBND tỉnh có nêu: diện tích thu hồi thực tế sẽ được đo đạc lại để đảm bảo tính chính xác.

Thực hiện theo nhiệm vụ, Văn phòng Đ đã hoàn thành việc đo đạc, có xác nhận đo vẽ phù hợp với hiện trạng của UBND xã Đ, UBND phường L, UBND phường K và xác nhận của Công ty K là ông Đường Ngọc S, theo đó diện tích thu hồi được xác định chính xác là 77,75 ha. Trong đó: Diện tích tại phường Đ là 12,44 ha; tại phường L là 14,25 ha; tại phường K là 51,06 ha. Kết quả đo đạc hiện trạng đã được Sở T tổng hợp báo cáo UBND tỉnh tại Tờ trình số 500/TTr-UBND ngày 06/12/2021.

Như vậy, việc UBND tỉnh V ban hành Quyết định số 1992/QĐ-UBND ngày 29/8/2018 về việc thu hồi đất của Công ty K do hết hạn sử dụng đất và không được gia hạn theo quy định của pháp luật đất đai, địa điểm tại các xã, phường :, Liên B1 và Khai Q1, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc là phù hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 65 Luật Đất đai 2013. UBND tỉnh V đề nghị TAND tỉnh giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi các bên theo quy định.

- Đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V trình bày:

Sau khi UBND tỉnh V ban hành Quyết định số 1992/QĐ-UBND ngày 29/8/2018 thu hồi đất của Công ty TNHH K và không được gia hạn theo quy định của pháp luật đất đai, trong đó có đất thuộc phường K có giao cho Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh V đo vẽ, Phòng Đo đạc bản đồ và Viễn thám - Sở T nghiệm thu đối với Mảnh trích đo địa chính số 47 -2021 thu hồi đất của Công ty TNHH K tại phường K, thành phố V.

Khi thực hiện việc đo vẽ Mảnh trích đo địa chính số 47 -2021 Văn phòng Đăng ký đất đai đã căn cứ vào các tài liệu hướng dẫn thi hành Luật Đất đai và các tài liệu, văn bản về việc giao đất, thu hồi đất của UBND tỉnh đối với Công ty K, các văn bản về việc thành lập Tổ Công tác giải quyết các tồn tại, vướng mắc trong việc thu hồi đất đã giao cho Công ty K và Kế hoạch của Sở T về việc triển khai công tác đo vẽ thành lập mảnh trích đo địa chính và xác định, cắm mốc ranh giới thu hồi đất Công ty TNHH K tại các xã, phường. Quá trình đo đạc đã sử dụng các tài liệu đo đạc bản đồ qua các thời kỳ khu vực thi công gồm: Bản đồ địa giới hành chính 364 của các xã, phường: Khai Quang - TP V; xã H - huyện B; xã K - huyện T; Bản đồ địa chính phường K đo đạc năm 2001 gồm các tờ bản đồ địa chính 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 11; Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/2000; 1/5000; 1/10 000; Ảnh hàng không qua các thời kỳ 2000, 2011, 2016. Quy trình thực hiện đo đạc lập mảnh trích đo địa chính số 47-2021 được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 quy định về thành lập bản đồ địa chính; Quyết định số 2958/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của UBND tỉnh V về việc phê duyệt phương án thi công nhiệm vụ: Đo vẽ thành lập mảnh trích đo địa chính tỷ lệ 1/1000 và xác định, cắm mốc ranh giới thu hồi đất Công ty TNHH K tại các xã, phường : , L và K - TP V để giao cho U quản lý theo quy định và đo đạc kiểm tra xử lý các vi phạm sử dụng đất tại khu vực N, Núi Đình trên địa bàn huyện T, B và thành phố V. Thành phần tham gia trực tiếp tại thực địa gồm: Văn phòng Đ (đơn vị đo vẽ); UBND thành phố V; UBND phường K; Công ty K.

Sau khi đo vẽ xong mảnh trích đo địa chính, xác định được ranh giới khu vực thu hồi đất của Công ty K để giao cho U quản lý. Đơn vị thi công dùng máy GPS-RTK và máy toàn đạc điện tử xác định chính xác các vị trí cần chôn mốc bê tông trên ranh giới thu hồi đất được thể hiện trên mảnh trích đo địa chính đã được kiểm tra nghiệm thu đạt yêu cầu theo quy trình quy phạm. Kết quả đo đạc trích đo địa chính hiện trạng tại phường K: Diện tích giao theo Quyết định số 169/QĐ-UB ngày 31/01/1997 của UBND tỉnh V tại phường K là: 90,06 ha; diện tích đo đạc hiện trạng 65,96/90,06 ha, giảm 24,1 ha so với hồ sơ giao; so với hồ sơ thu hồi đất tại phường K diện tích là 51,06 ha/65,96 ha (14,90 ha diện tích đã được thu hồi giao đất cho tổ chức, cá nhân). Nguyên nhân diện tích giảm: Do sơ đồ quy hoạch giao đất được thu phóng trên nền địa hình tỷ lệ nhỏ và được can vẽ thủ công, không có tọa độ khống chế, dẫn đến kẻ vẽ, tính toán diện tích giao đất sai so với thực tế. Hiện trạng khu đất phía Đông giáp đường tỉnh lộ 302C (một phần diện tích đã được thu hồi thực hiện dự án cải tạo nâng cấp đường vào bãi rác N); phía Tây giáp đất ruộng canh tác; phía Nam giáp hồ Đ, ruộng canh tác, khu dân cư Đ; phía Bắc giáp đất rừng phòng hộ. Như vậy Sơ đồ quy hoạch giao đất theo Quyết định số 169/QĐ-UB ngày 31/01/1997 của UBND tỉnh là không chính xác.

Mảnh trích đo 47 - 2021 đã được UBND phường K, UBND thành phố V, Sở T rà soát đối chiếu kiểm tra kỹ thuật, thống nhất ranh giới thu hồi đất của Công ty TNHH K. Bản đồ đã được công khai theo quy định tại nhà văn hóa khu dân cư và tại UBND phường, đang tiến hành chỉnh sửa theo ý kiến góp ý trong quá trình công khai.

Từ những căn cứ pháp luật nêu trên, Sở TNMT xác định quy trình thực hiện đo đạc lập mảnh trích đo địa chính số 47-2021 đã đảm bảo đúng theo quy định pháp luật về đo đạc và bản đồ, đúng phương án thi công đã được phê duyệt, được UBND thành phố V, UBND phường, Công ty TNHH K thống nhất nghiệm thu, ký xác nhận, sản phẩm được các bên bàn giao và nhận theo quy định.

- Đại diện UBND phường K trình bày:

Về trình tự, thủ tục thiết lập hồ sơ xử lý vi phạm hành chính đối với ông Hoàng Văn H được thực hiện như sau: Ngày 20/10/2022, UBND phường có biên bản làm việc về việc xác minh nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất và thiết lập Biên bản vi phạm hành chính số 78/BB-VPHC ngày 20/10/2022 đối với ông Hoàng Văn H. Nội dung: Xác minh tại vị trí công trình trên đất thửa số 77, diện tích 3.747,8m² thuộc Mảnh trích đo địa chính số 47 - 2021 thu hồi đất Công ty TNHH K tại phường K hiện có 04 người sinh sống là ông Hoàng Văn H, chị Nguyễn Thị Hồng Đ2, cháu Hoàng Hà A và cháu Hoàng Khánh V. Công trình trên đất là 01 nhà cấp 4, diện tích 54m², 1 chuồng chăn nuôi diện tích 135m², 01 nhà bếp diện tích 19m², cây trồng và tường bao loan; các công trình trên được ông H xây dựng năm 2010.

Cùng ngày UBND phường lập biên bản vi phạm hành chính ghi nhận: Căn cứ Quyết định số 169/QĐ-UB ngày 31/01/1997 về việc thu hồi 116,072 ha đất thuộc phường L và xã K, thị xã V để giao cho Công ty TNHH K; Quyết định số 1992/QĐ-UBND ngày 29/8/2018 thu hồi đất của Công ty TNHH K; Mảnh trích đo địa chính số 47 - 2021 thu hồi đất Công ty TNHH K tại phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (đo đạc theo Quyết định số 1992/QĐ-UBND ngày 29/8/2018 của UBND tỉnh V); Kết luận số 39/KL-TTr ngày 02/4/2019 của Thanh tra tỉnh Vĩnh Phúc về công tác quản lý sử dụng đất đai; xử lý các trường hợp vi phạm về lấn, chiếm, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, xây dựng công trình trái pháp luật trên địa bàn phường K, thành phố V đã xác định ông Hoàng Văn H vi phạm pháp luật đất đai.

Cụ thể: Chiếm đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất (chiếm đất trồng cây lâu năm do UBND tỉnh đã thu hồi của Công ty K) tại khu vực đô thị với diện tích 3.747,8m² (0,3748 ha). Địa điểm vi phạm thuộc Tổ dân phố T, phường K. Tại thửa đất số 77 Mảnh trích đo địa chính số 47 - 2021.

Thời điểm vi phạm: Năm 2010; thời điểm phát hiện: Ngày 20/10/2022. Khi lập biên bản ông H có mặt nhưng không ký vào biên bản và không nhận biên bản làm việc.

Ngày 24/10/2022, Chủ tịch UBND phường K có Tờ trình số 266/TTr-UBND về việc đề nghị Chủ tịch Ủy ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Đối chiếu với quy định tại các Điều 38, 57, 58, 70, 78 và 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ; Nghị định số 91; Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày

06/01/2022, Chủ tịch UBND thành phố V đã ban hành Quyết định 3343 về xử lý vi phạm đối với ông H.

Ngày 28/10/2022 Chủ tịch UBND phường K bàn giao Quyết định số 3343 cho ông Hoàng Văn H. Hết thời gian tự nguyện chấp hành theo Quyết định số 3343 nhưng ông Hoàng Văn H không tự nguyện chấp hành, ngày 17/11/2022, Chủ tịch UBND phường K có Tờ trình số 325/TTr-UBND trình Chủ tịch UBND thành phố ban hành quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Ngày 23/11/2022, Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 3639/QĐ-CCXP về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Hoàng Văn H.

Quan điểm của UBND phường K: Việc Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 3343 và Quyết định số 3639 đối với ông Hoàng Văn H là đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông H.

- Đại diện Công ty TNHH K trình bày:

Công ty K được Nhà nước giao đất để thực hiện dự án trồng mía, trồng cây ăn quả tại 03 xã, phường :, L, Đ thuộc thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Hiện nay khu đất trên đã được Ủy ban nhân dân tỉnh V ra quyết định thu hồi tại Quyết định số 1992/QĐ-UBND ngày 29/8/2018 do hết thời hạn sử dụng. Công ty đã phối hợp với cơ quan có thẩm quyền đo đạc để lập bản đồ địa chính thu hồi đất, còn việc kiểm đếm hoa màu đến nay vẫn chưa thực hiện. Về chủ trương thu hồi đất khi hết thời hạn sử dụng và không được gia hạn theo quy định của luật đất đai Công ty hoàn toàn nhất trí theo chủ trương của Nhà nước và pháp luật. Công ty không biết việc gia đình ông Hoàng Văn H xây dựng và bị Ủy ban nhân dân thành phố V ra các quyết định xử lý vi phạm, buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Các hộ dân tự ý lấn chiếm xây dựng trái phép thuộc thẩm quyền của chính quyền các cấp, Công ty không có ý kiến gì.

Với nội dung trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 32/2023/HC-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn H về việc đề nghị hủy Quyết định số 3343/QĐ-KPHQ ngày 27/10/2022 của Chủ tịch UBND thành phố V về xử phạt vi phạm hành chính; Quyết định số 3639/QĐ-CCXP ngày 23/11/2022 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả; Quyết định số 770/QĐ-ĐC ngày 03/4/2023 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc đình chỉ Quyết định 3343 và Quyết định số 3639.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, xử lý tiền tạm ứng án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/9/2023, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông Hoàng Văn H6 có đơn kháng cáo đối với bản án hành chính sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp cao tại Hà Nội xét xử hủy bản án sơ thẩm nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Phía người khởi kiện trình bày: Bản án sơ thẩm không căn cứ vào hồ sơ pháp lý, đất của ông H không nằm trong ranh giới của Công ty K, có mốc giới, ranh giới rõ ràng; diện tích đất giao cho Công ty K chỉ có hơn 66 ha, phía Công ty cũng thừa nhận không liên quan đến đất của ông H; Công ty K chưa bồi thường cho người dân. Đất của ông H có nguồn gốc của ông nội là cụ G, quá trình sử dụng không vi phạm, không bị xử phạt, ngăn chặn. Theo bản đồ giao đất cho Công ty K năm 1996 thể hiện còn cách chân núi từ 50 đến 100m, nên không xác định; đơn vị đo đạc đã đưa nhầm người ký đại diện Công ty K. Bản án sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng vì đưa thiếu người tham gia tố tụng, đương sự có yêu cầu xem xét, thẩm định nhưng Tòa án không thực hiện, không đến thực địa để lập biên bản thực địa mà lập biên bản theo sơ đồ; đất của ông H sử dụng từ lâu nhưng mãi đến năm 2010 mới phát hiện vi phạm là thiếu căn cứ; trên đất có tài sản là nhà cửa từ lâu đời, nên không có chuyện ông H lấn đất của Công ty K. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:*

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm; Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy rằng cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ, đúng quy định của pháp luật nên đã bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ; tại cấp phúc thẩm không có tình tiết gì mới, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến Kiểm sát viên và đương sự về giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

** Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án, thời hiệu khởi kiện: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện là các quyết định hành chính, gồm: Quyết định 3343, Quyết định 3639 và Quyết định 770 của Chủ tịch UBND thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; đây là các quyết định hành chính của Chủ tịch UBND cấp huyện trong lĩnh

vực quản lý đất đai, là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính; người ban hành là Chủ tịch UBND cấp huyện nên thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm thuộc Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Ngày 22/10/2022 Chủ tịch UBND thành phố V ban hành quyết định hành chính bị khởi kiện, đến ngày 04/01/2023 ông Hoàng Văn H có đơn khởi kiện là đang trong thời hạn một năm, nên đang trong thời hiệu khởi kiện. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Xác định tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án và sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa: Tòa án cấp sơ thẩm xác định tư cách người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, một số đương sự vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, hoặc đã được triệu tập hợp lệ những vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 158; khoản 4 Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính.

** Về nội dung:*

[3] Về nguồn gốc diện tích đất gia đình ông H đang sử dụng, thấy:

Năm 1997 Công ty K thực hiện dự án trồng cây ăn quả tập trung giai đoạn 1997-1999. Vì vậy, UBND tỉnh V có các Quyết định số 228/QĐ-UB ngày 24/2/1997 về việc phê duyệt dự án khả thi đầu tư mở rộng vùng mía 2 năm 1997-1998 và Quyết định số 868/QĐ-UB ngày 24/7/1997 về việc phê duyệt dự án trồng cây ăn quả tập trung giai đoạn 1997-1999 của Công ty TNHH K. Sau đó UBND tỉnh V ban hành Quyết định số 169/QĐ-UB ngày 31/01/1997 V/v thu hồi 116,072 ha đất thuộc phường L và xã K, thị xã V để giao cho Công ty K trồng mía và sản xuất nông, lâm kết hợp theo dự án được UBND tỉnh phê duyệt thời hạn 18 năm (trong đó có 90,06 ha đất thuộc xã K nay là phường K). Ngày 04/3/1997 UBND xã K và đại diện Sở Địa chính Vĩnh Phúc, Phòng Địa chính V, Phòng T, Tổ Nông nghiệp thị xã V đã tiến hành bàn giao mốc giới tại thực địa 90,06 ha tại xã K (nay là phường K) cho Công ty K kèm theo bản đồ quy hoạch giao đất trồng mía công ty K. Tại thời điểm giao đất cho Công ty K trên đất chỉ có cây bạch đàn do trước đây HTX N quản lý, sử dụng nên UBND thị xã V, UBND xã K, Công ty TNHH K đã có biên bản làm việc về việc đền bù cây bạch đàn chu kỳ II trên diện tích 90,6 ha đất thu hồi và xác định Công ty TNHH K phải đền bù cho HTX N số tiền 39.420.000 đồng. Ngoài ra không có tài liệu nào thể hiện cá nhân, tổ chức nào khác được bồi thường tài sản trên đất. Do các yêu cầu về phát triển kinh tế, xã hội của địa phương nên quá trình Công ty K sử dụng 116,072 ha đất UBND tỉnh V đã có 07 quyết định thu hồi với diện tích 31,47 ha đất đã giao cho Công ty K để giao cho các tổ chức khác sử dụng. Từ năm 2002 các cơ quan Nhà nước đã tiến hành nhiều cuộc thanh tra, kiểm tra việc sử dụng đất của Công ty K và phát hiện nhiều vi phạm. Vì vậy, UBND tỉnh đã ban hành Thông báo số 19/TB-UBND ngày 16/02/2017 thông báo thu hồi đất do hết hạn sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai, địa điểm tại các xã, phường ; Liên B1 và K, thành phố V, tỉnh Vĩnh

Phúc. Kể từ thời điểm UBND tỉnh ban hành thông báo thu hồi đất, Công ty TNHH K không có kiến nghị bằng văn bản về chủ trương thu hồi đất của UBND tỉnh. Đến ngày 29/8/2018, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1992/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của Công ty TNHH K và không được gia hạn theo quy định của pháp luật đất đai, trong đó có đất thuộc phường K, diện tích thu hồi thực tế sẽ được đo đạc lại để đảm bảo tính chính xác. Sau khi UBND tỉnh V ban hành Quyết định số 1992/QĐ-UBND, tỉnh Vĩnh Phúc tiếp tục có nhiều cuộc thanh tra về công tác quản lý Nhà nước về đất đai; xử lý các trường hợp vi phạm lấn, chiếm, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, xây dựng công trình trái phép trên địa bàn các phường L, Đ, K, thành phố V. Tại Kết luận thanh tra số 39/KL-TTr ngày 02 tháng 04 năm 2019 đã xác định 28 trường hợp vi phạm đất đai thuộc Công ty K quản lý trong đó có hộ gia đình ông Hoàng Văn H.

Năm 2021 UBND tỉnh giao cho Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh V đo vẽ, Phòng Đo đạc bản đồ và Viễn thám Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V nghiệm thu đối với Mảnh trích đo địa chính số 47 -2021 thu hồi đất của Công ty K tại phường K, thành phố V. Khi thiết lập Mảnh trích đo địa chính số 47-2021 Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh V đã căn cứ vào Bản đồ địa giới hành chính 364; Bản đồ địa chính phường K đo đạc năm 2001 gồm các tờ bản đồ địa chính 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 11; Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/2000; 1/5000; 1/10 000; ảnh hàng không qua các thời kỳ 2000, 2011, 2016. Trong đó bản đồ địa chính năm 2001, ảnh hàng không thời kỳ năm 2000 thể hiện chỉ có cây cối không có ảnh các hộ dân sinh sống trên đất. Quá trình việc đo vẽ ngoài việc căn cứ vào những tài liệu trên, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh V đã phối hợp với UBND thành phố V, UBND phường K, đại diện Công ty K để thực hiện việc dẫn đạc xác định ranh giới, mốc giới, đánh dấu bôi son, đóng cọc chi tiết các thửa đất theo hiện trạng sử dụng; các chủ sử dụng đất tiếp giáp trong quá trình đo đạc đảm bảo thống nhất về ranh giới sử dụng đất với ranh giới sử dụng đất của Công ty K; lập và ký biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất tại thực địa, đồng thời tiến hành đo vẽ chi tiết cho từng thửa đất; đối với khu vực dân cư, khu vực xây dựng công trình phải được xác định và đo đạc đầy đủ, chi tiết các công trình chính và các khu vực sử dụng với nhiều mục đích. Kết quả đo đạc diện tích thu hồi đất của Công ty K được xác định chính xác là 77,75 ha. Trong đó: Diện tích tại phường K là 51,06 ha.

Nguyên nhân diện tích thu hồi giảm do sơ đồ quy hoạch giao đất năm 1997 đối với Công ty K được thu phóng trên nền địa hình tỷ lệ nhỏ và được can về thủ công, không có tọa độ khống chế, dẫn đến kẻ vẽ, tính toán diện tích giao đất sai so với thực tế. Như vậy, việc đo vẽ Mảnh trích đo địa chính số 47 -2021 nghiệm thu ngày 29/6/2021 thu hồi đất của Công ty TNHH K tại phường K, thành phố V là hoàn toàn hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

Người khởi kiện trình bày về nguồn gốc đất là của ông Hoàng Văn G khai hoang sử dụng từ năm 1978, sau đó ông G giao lại cho bố ông H là ông Hoàng Văn H5; sau đó ông H5 cho ông H toàn bộ diện tích đất nêu trên. Tuy nhiên, ngoài lời khai thì ông H không có bất cứ chứng cứ gì chứng minh quyền sử dụng đất hợp

pháp của mình, ông H sử dụng các thửa đất trên từ năm 2010 tức là sử dụng đất sau thời điểm UBND tỉnh giao cho Công ty K, gia đình ông cũng không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao đất, công nhận quyền sử dụng; quá trình sử dụng không kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất, không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính về đất. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích đất 3.747,8m² địa chỉ: TDP T, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc ông H đang sử dụng thuộc diện tích đất thu hồi của Công ty K, do ông H sử dụng bất hợp pháp là có căn cứ.

[4] Đối với Quyết định 3343 thấy: Như đã phân tích ở trên thì việc ông H sử dụng đất không đúng quy định, nên ngày 20/10/2022, UBND phường K có biên bản làm việc về việc xác minh nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất. Cùng ngày 20/10/2022 UBND phường K đã thiết lập biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai và ghi nhận hành vi vi phạm của gia đình ông H là: Chiếm đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất (chiếm đất trồng cây lâu năm do UBND tỉnh đã thu hồi của Công ty K) tại khu vực đô thị với diện tích 3.747,8m² (0,3748 ha). Địa điểm vi phạm thuộc Tổ dân phố T, phường K, tại thửa đất số 77 - Mảnh trích đo địa chính số 47 - 2021. Ngày 24/10/2022, Chủ tịch UBND phường K có Tờ trình số 266/TTr-UBND về việc đề nghị ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; ngày 27/10/2022, Chủ tịch UBND thành phố V đã ban hành Quyết định số 3343; sau khi ban hành quyết định, ngày 28/10/2022 UBND phường K đã giao quyết định trên cho ông H. Như vậy, về trình tự, thủ tục ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[5] Đối với Quyết định 3639, thấy: Sau khi ban hành, Quyết định 3343 đã được giao cho ông H nhưng ông H không tự nguyện chấp hành, ngày 17/11/2022, Chủ tịch UBND phường K đã có tờ trình số 325/TTr-UBND trình Chủ tịch UBND thành phố V ban hành quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả; trên cơ sở tờ trình của UBND phường K, ngày 23/11/2022 Chủ tịch UBND thành phố V đã ban hành Quyết định 3639 là đúng quy định tại Điều 28, 70, 85 và 87 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

[6] Về hình thức, thẩm quyền ban hành các Quyết định số 3343, 3639, 770: Căn cứ các Quyết định giao quyền số 3173/QĐ-GQXP ngày 20/10/2021 về giao quyền xử phạt hành chính; Quyết định số 980/QĐ-GQCC ngày 19/4/2022 về việc giao quyền cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch UBND thành phố V; Căn cứ Điều 38, Điều 57, Điều 68, Điều 70, Điều 78, Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020); Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ, quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; tài nguyên nước và khoáng sản; khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ; thẩm quyền ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với vi phạm của

ông H thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND thành phố V. Do vậy, Phó Chủ tịch UBND thành phố V đã ký thay Chủ tịch ban hành các quyết định trên là đúng thẩm quyền. Về hình thức được Chủ tịch UBND thành phố V ban hành đúng quy định của pháp luật về hình thức văn bản theo Mẫu số 10, số 15, số 39 được ban hành kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính.

Tuy nhiên, trong quá trình soạn thảo các quyết định hành chính có sai sót tại phần ghi về “THẨM QUYỀN BAN HÀNH” của Quyết định số 3343/QĐ-XPHC ngày 27/10/2022 và Quyết định số 3639/QĐ-CCXP ngày 23/11/2022 theo quy định phải ghi là “CHỦ TỊCH UBND THÀNH PHỐ VINH YÊN” nhưng quyết định lại ghi là “PHÓ CHỦ TỊCH UBND THÀNH PHỐ VINH YÊN”. Xác định lỗi trên là do kỹ thuật soạn thảo văn bản.

Theo khoản 1 Điều 14 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/11/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính quy định: “1. Người đã ban hành quyết định tự mình hoặc theo yêu cầu của những người quy định tại khoản 3 Điều 18 Luật Xử lý vi phạm hành chính có trách nhiệm đính chính quyết định khi có sai sót về kỹ thuật soạn thảo” Do đó Chủ tịch U đã ban hành Quyết định số 770/QĐ-ĐC đính chính Quyết định số 3343 và Quyết định số 3639 là đúng quy định.

[7] Đối với việc buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm là 19.770.475 đồng theo Quyết định 3343. Chủ tịch UBND thành phố V đã ban hành Quyết định 1438 hủy phần xử phạt trên, quyết định đã có hiệu lực và quá trình giải quyết vụ án phía người khởi kiện cũng không có yêu cầu gì đối với quyết định này.

Tổng hợp các phân tích trên, thấy rằng: Cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ; quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, đã xem xét đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của các bên đương sự; tại cấp phúc thẩm không có thêm tình tiết gì mới, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện; đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[8] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên người kháng cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính;

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện là ông Hoàng Văn H do ông Nguyễn Văn H1 làm đại diện, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 32/2023/HC-ST ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Về án phí: Ông Hoàng Văn H phải chịu 300.000đ án phí hành chính phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0007252, ngày 17/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc, xác nhận ông H đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ (2b), phòng HCTP (2b);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Duy Nhiệm